ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ PHƯỢNG TIẾN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 396/QĐ-UBND	*Phượng Tiến, ngày 23 tháng 06 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân xã Phượng Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỢNG TIẾN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 41/2026/QĐ-UBND ngày 31/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế xã Phượng Tiến.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân xã Phượng Tiến, như sau:

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù và diện tích công trình sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân xã Phượng Tiến được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Trường hợp bố trí chung nhiều nhóm hồ sơ, tài liệu trong một kho thì tổng diện tích không vượt quá tổng mức tối đa tương ứng tại Phụ lục; đồng thời phải phân khu, lập danh mục, có phương án bảo quản, phòng cháy, chữa cháy, bảo mật và khai thác hồ sơ theo quy định.

3. Khi đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, thuê hoặc bố trí lại trụ sở, tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định này là căn cứ để lập, thẩm định và phê duyệt

phương án diện tích chuyên dùng.

4. Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ đã quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng và diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước thì xác định diện tích chuyên dùng và diện tích công trình sự nghiệp căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành.

5. Diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp quy định tại Quyết định này là diện tích được tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật, không bao gồm cầu thang, thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc, diện tích nhà để xe, diện tích tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật (nếu có) bên trong phòng làm việc.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm rà soát, tham mưu bố trí, quản lý và sử dụng diện tích chuyên dùng đúng công năng, đúng tiêu chuẩn, định mức được ban hành.

2. Quyết định này được công khai trên Trang thông tin điện tử của xã Phượng Tiến và Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định số 41/2026/QĐ-UBND ngày 31/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Văn phòng Đảng ủy;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ PHƯỢNG TIẾN T.THÁI NGUYÊN

Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 23/6/2026 của Uỷ ban nhân dân xã Phượng Tiến)

TT	Nội dung	Diện tích tối đa (m^2)	Ghi chú
I	**Diện tích chuyên dùng để phục vụ hoạt động đặc thù của đơn vị**	**100**	
1	Kho lưu trữ tài liệu (UBND xã quản lý)	100	
II	**Diện tích chuyên dùng để phục vụ hoạt động đặc thù của các cơ quan, tổ chức, đơn vị**	**1.170**	
1	**Văn phòng HĐND - UBND**	**150**	
-	Kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, hồ sơ chuyên dụng	50	
-	Diện tích chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù	50	
-	Diện tích sử dụng để quản trị hệ thống công nghệ thông tin	50	
2	**Phòng Kinh tế**	**140**	
-	Kho quản lý, bảo quản hồ sơ lĩnh vực Tài chính - kế toán	30	
-	Kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, hồ sơ chuyên dụng	30	
-	Diện tích chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù	30	
-	Kho bảo quản vật chứng, các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù (tài sản, tang vật được cơ quan thi hành án bàn giao,…)	50	
3	**Phòng Văn hóa - xã hội**	**100**	
-	Kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, hồ sơ chuyên dụng	50	
-	Diện tích chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù	50	
4	**Trung tâm phục vụ hành chính công**	**450**	

-	Kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, hồ sơ chuyên dụng	100	
-	Diện tích chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù	150	
-	Diện tích sử dụng để quản trị hệ thống công nghệ thông tin	50	
5	**Trung tâm dịch vụ tổng hợp**	**330**	
-	Kho lưu trữ, bảo quản tài liệu, hồ sơ chuyên dụng	100	
-	Diện tích chuyên dùng khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù	100	
-	Kho quản lý, bảo quản hồ sơ lĩnh vực kế toán	30	
-	Kho quản lý hồ sơ xây dựng cơ bản	100	
III	**Diện tích công trình sự nghiệp lĩnh vực văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông phục vụ hoạt động chung của xã.**	**7.000**	
1	Diện tích công trình sử dụng phục vụ hoạt động thông tin và truyền thông	1.500	
2	Diện tích công trình sử dụng phục vụ hoạt động văn hóa thể thao	7.000	
3	Diện tích các công trình phụ trợ khác phục vụ hoạt động văn hóa thể thao	500	
IV	**Diện tích công trình sự nghiệp**		
1	Diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực Y tế	Thực hiện theo quy định, hướng dẫn của các Bộ chuyên ngành; Trường hợp các Bộ chuyên ngành chưa có quy định, hướng dẫn thì Chủ tịch UBND xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu sử dụng thực tế, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng để quyết định và thực hiện điều chỉnh sau khi có quy định, hướng dẫn của các Bộ chuyên ngành	
2	Diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo		
3	Diện tích công trình sự nghiệp khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 NĐ 155/2025		